



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT  
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)**

29 Hoàng Sa, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Tel: 028. 3910 3908; 3910 6162 - Fax: 028. 3910 4880

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**

**Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
đã được kiểm toán**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	06 - 13



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### Khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC là công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép số 97/UBCK-GP ngày 04 tháng 09 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã nhận được các quyết định bổ sung sau:

- Quyết định số 29/UBCK-GCN ngày 04 tháng 09 năm 2008 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc lưu ký chứng khoán cho tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và được tham gia về hoạt động lưu ký, thanh toán bù trừ và đăng ký chứng khoán tại trung tâm lưu ký chứng khoán.
- Giấy chứng nhận số 98/GCNTVLK ngày 25 tháng 09 năm 2008 của Giám đốc trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng nhận Công ty là thành viên lưu ký chứng khoán.
- Giấy phép cung cấp Giao dịch Trực tuyến theo Quyết định số 893/QĐ-UBCK ngày 11/11/2010 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 03/04/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 41/GPĐC-UBCK ngày 06/12/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 14/06/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi địa chỉ trụ sở chính.
- Giấy phép điều chỉnh số 88/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2018 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ: 53.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 87 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.

### Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 01/NQ-SJCS/DHĐCĐ ngày 07/04/2017 thì Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 53 tỷ đồng lên 800 tỷ đồng (chia làm 2 đợt, đợt 1 tăng vốn điều lệ từ 53 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng, đợt 2 tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 800 tỷ đồng). Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Bộ phận kiểm soát nội bộ trong năm 2018 và đến ngày lập báo cáo này như sau:**

### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch	Từ ngày 15/08/2018
Ông Vũ Đức Tâm	Chủ tịch	Từ ngày 18/06/2018 đến ngày 15/08/2018
Ông Nguyễn Duy Ngọc	Chủ tịch	Đến ngày 18/06/2018
Bà Nguyễn Diễm Ly	Thành viên	Từ ngày 15/08/2018
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	Đến ngày 08/08/2018
Ông Huỳnh Sơn Trung	Thành viên	
Bà Hồ Sĩ Tường Trinh	Thành viên	Từ ngày 15/08/2018

1:  
CỔ  
CỔ  
NG  
S.  
P.

213  
CÔNG  
NH  
VU  
NH  
GIEM  
AM V  
P. H

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Vũ Cao Trung	Tổng Giám đốc	Từ ngày 26/09/2018
Ông Nguyễn Duy Ngọc	Tổng Giám đốc	Từ ngày 02/04/2018 đến ngày 18/06/2018
Ông Nguyễn Quang Hải	Tổng Giám đốc	Từ ngày 18/08/2018 đến ngày 26/09/2018
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Đến ngày 02/04/2018
Bà Nguyễn Diễm Ly	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 18/06/2018

**Ban Kiểm soát**

Ông Trần Quốc Hùng	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Lê Phan	Thành viên	
Bà Phan Ngọc Đan Phương	Thành viên	Đến ngày 02/04/2018
Bà Hàn Hồng Hạnh	Thành viên	Từ ngày 08/08/2018

**Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Liêm	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 18/08/2018
Ông Huỳnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Đến ngày 18/08/2018

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018 cho Công ty.

**Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tỷ lệ an toàn vốn khả dụng của Công ty. Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Thực hiện các phán đoán và ước tính một cách thận trọng khi tính các chỉ tiêu của Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính;
- Lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018 đính kèm từ trang 06 đến trang 13 và đảm bảo rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính được lập tuân thủ Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.



**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc**

**Vũ Cao Trung**  
Tổng Giám đốc

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2019





Số: 121/BCKT/TC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

*Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2018  
của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC*

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 13, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo được lập theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc tự xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 và các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành khác. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SJC tại ngày 31/12/2018, phù hợp với quy định của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

**Phó Giám đốc**



**Cao Thị Hồng Nga**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0613-2018-152-1

Tp. HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2019

**Kiểm toán viên**

**Lê Hồng Đào**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1732-2018-152-1



Tp.HCM, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2018

Chúng tôi cam đoan rằng:

- (1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- (2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- (3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng

  
Võ Quốc Duy

KT.Trưởng bộ phận  
Kiểm soát nội bộ

  
Dương Thị Hoài An

  
Tổng Giám đốc  
Vũ Cao Trung

P: 13  
C  
C  
C  
C  
S  
1-7,7

03052  
O  
TRAC  
DICH  
DAI CHI  
VA E  
NA  
1-7,7



### I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
<b>A</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	53.000.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cầu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận chưa phân phối	(15.700.415.360)		
11	Số dự phòng suy giảm giá trị tài sản	2.059.076.299		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		-	-
16	Vốn khác (nếu có)	-		
<b>1A</b>	<b>Tổng</b>	<b>39.358.660.939</b>	-	-
<b>B</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính</b>			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền.			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
4	Các khoản cho vay			
5	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) - Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường - Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng			
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp			

C. TY  
 HẠN  
 KHOA  
 C  
 B. C.

13884  
 NG TY  
 HẠN HỮU  
 VỤ TƯ V  
 NH KẾ T  
 ẨM TOA  
 M VIỆT  
 H. H. C.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Số 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)			
7	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết			
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm			-
	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp			
10	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu nội bộ			
11	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
12	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
	Các khoản phải thu khác			
13	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống - Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			-
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu			
<b>II</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>137.138.621</b>	<b>-</b>
	Tạm ứng			
1	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống - Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			-
2	Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ			-
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		52.308.781	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn			-
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ			-
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		84.829.840	
7	Tài sản ngắn hạn khác			-
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B</b>	<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>137.138.621</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Số 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

<b>C</b>	<b>Tài sản dài hạn.</b>			
<b>I</b>	<b>Tài sản tài chính dài hạn</b>	-	1.000.000.000	-
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư			
	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
2.1	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường			
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	
2.4	Đầu tư dài hạn khác		1.000.000.000	
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>8.967.127.479</b>	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		-	
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		30.380.000	
2	Chi phí trả trước dài hạn		659.156.816	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		3.126.907.761	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
<b>VI</b>	<b>Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn</b>			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
<b>1C</b>	<b>Tổng</b>	-	<b>13.783.572.056</b>	-
<b>D</b>	<b>Tài khoản ký quỹ đảm bảo</b>			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ (đối với thị trường chứng khoán phái sinh)		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản bảo đảm cho các nghĩa vụ phải trả có thời hạn còn lại trên 90 ngày		-	
<b>1D</b>	<b>Tổng</b>	-	-	-
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C-1D</b>				<b>25.437.950.262</b>



## II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				Đơn vị tính: VND
		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
Các hạng mục đầu tư		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				-
1	Tiền (VND)	0%	367.928.301	-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi.	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi.	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định.			-
5.1	Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD.	3%		-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	20%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	25%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi.	40%		-
				-
<b>IV. Cổ phiếu</b>				-
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%		-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Số 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%			-
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%			-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%			-
12	Cổ phiếu của các Công ty đại chúng khác.	50%			-
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán.</b>					
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%			-
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%			-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch.</b>					
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%			-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%			-
<b>VII. Chứng khoán phái sinh</b>					
17	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8%			-
18	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3%			-
<b>VIII. Chứng khoán khác.</b>					
19	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%			-
20	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn	25%			-
21	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn	100%			-
22	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8%			-
23	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội	10%			-
24	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành				-
	Cách tính: Giá trị rủi ro = $(P_0 \times Q_0 \times k - P_1 \times Q_1) \times R - MD$				-
25	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)				-
26	Phần chênh lệch giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm				-
<b>IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)</b>					
	<b>Mã chứng khoán.</b>	<b>Mức tăng thêm</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>	
1	.....				-
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)</b>					





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Số 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

<b>B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN</b>		Đơn vị tính: VND
		<b>Giá trị rủi ro</b>
Rủi ro trước thời hạn thanh toán		47.264.305
Rủi ro quá thời hạn thanh toán		3.703.637.356
Rủi ro tăng thêm		190.182.272
<b>Tổng giá trị rủi ro thanh toán</b>		<b>3.941.083.933</b>

**1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán**

Loại hình giao dịch	Hệ số rủi ro (%)	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-					35.531.381	<b>35.531.381</b>
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						11.732.924	<b>11.732.924</b>
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							-
<b>TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN</b>								<b>47.264.305</b>

**2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán**

Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1 Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%	1.621.608	259.457
2 Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%	6.000.000.000	1.920.000.000
3 Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%	37.595	18.046
4 Từ sau 60 ngày trở đi	100%	1.783.359.853	1.783.359.853
<b>TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN</b>			<b>3.703.637.356</b>

**3. Rủi ro tăng thêm**

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Vũ Đức Tâm	20%	950.911.360	190.182.272
2	.....		-	-
<b>TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM</b>				<b>190.182.272</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SJC**  
Số 87 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM

<b>C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG</b>		Đơn vị tính: VND
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng tính tới tháng 12 năm 2018	8.379.420.249
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	2.630.889.614
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	5.748.530.635
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	1.437.132.659
V.	20% Vốn pháp định của công ty chứng khoán	7.000.000.000
<b>TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max (IV, V))</b>		<b>7.000.000.000</b>


**Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí**

TT	Danh mục chi phí	Giá trị (VND)
1	Chi phí khấu hao	747.039.271
2	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-
3	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính dài hạn	-
4	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	883.850.343
5	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác	-
6	Chi phí/ Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	1.000.000.000
<b>TỔNG CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ KHỎI TỔNG CHI PHÍ</b>		<b>2.630.889.614</b>

**III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**

TT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/ vốn khả dụng	Ghi chú
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	-	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	3.941.083.933	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	10.941.083.933	
5	Vốn khả dụng	25.437.950.262	
6	Tỷ lệ vốn khả dụng (6=5/4)	233%	

Kế toán trưởng

  
Võ Quốc Duy

KT.Trưởng bộ phận Kiểm  
soát nội bộ

  
Dương Thị Hoài An

